

KỶ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT NĂM HỌC 2025-2026
HỘI ĐỒNG CHẤM THI: TRƯỜNG THPT TÂY NINH



BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)
HỘI ĐỒNG CỎI THI: TRƯỜNG THPT NGÔ GIA TỰ

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
1	070001	TRẦN THÚY AN	Nữ	02/11/2010	7.01	7.35	8.53	7.21	7.53	5.50	2.75	1.75	0.0	0.0	9.26	
2	070002	LÊ DUY ANH	Nam	01/03/2010	8.83	8.98	8.99	8.33	8.78	3.75	6.50	4.25	0.0	0.0	12.78	
3	070003	LÊ NHẬT ANH	Nam	21/11/2010	7.01	7.51	7.99	8.26	7.69	5.58	7.25	3.00	0.0	0.0	13.39	
4	070004	LÊ PHẠM QUỲNH ANH	Nữ	23/12/2010	8.73	9.14	9.21	8.28	8.84	6.25	4.50	8.00	0.0	0.0	15.78	
5	070005	NGUYỄN HOÀNG ANH	Nữ	18/05/2010	7.58	7.95	8.3	8	7.96	6.50	4.00	5.50	0.0	0.0	13.59	
6	070006	NGUYỄN NGỌC QUỲNH ANH	Nữ	31/05/2010	8.03	7.84	8.33	6.85	7.76	5.50	2.25	3.00	0.0	0.0	9.85	
7	070007	NGUYỄN NGỌC TRÂM ANH	Nữ	15/05/2010	8.34	7.94	7.4	6.9	7.65	4.25	5.50	7.25	0.0	0.0	14.20	
8	070008	NGUYỄN THỊ TRÚC ANH	Nữ	26/04/2010	7.39	7.79	6.58	6.71	7.12	4.25	3.25	2.75	0.0	0.0	9.31	
9	070009	TRẦN VÕ TRÂM ANH	Nữ	17/01/2010	9.74	9.76	9.64	9.4	9.64	7.83	9.00	9.00	0.0	0.0	20.97	
10	070010	VÕ THỊ LAN ANH	Nữ	14/08/2010	8.41	8.34	7.86	7.83	8.11	5.25	3.50	5.00	0.0	0.0	12.06	
11	070011	VÕ THỊ PHƯƠNG ANH	Nữ	04/05/2010	6.45	7.46	7	7.01	6.98	4.50	4.75	4.50	0.0	0.0	11.72	
12	070012	LÊ QUỐC BẢO	Nam	04/01/2010	7.15	7.71	7	6.75	7.15	3.50	2.50	4.25	0.0	0.0	9.32	
13	070013	LÊ QUỐC BẢO	Nam	12/07/2010	5.91	6.8	7.45	6.85	6.75	5.50	2.75	6.25	0.0	0.0	12.18	
14	070014	NGUYỄN THÁI BẢO	Nam	18/10/2010	8.34	8.26	7.85	7.39	7.96	5.75	5.50	6.50	0.0	0.0	14.81	
15	070015	TRẦN THỊ BĂNG BĂNG	Nữ	11/05/2010	8.53	8.15	7.49	8.13	8.08	6.75	5.00	5.50	0.0	0.0	14.50	
16	070016	NGUYỄN CÔNG BĂNG	Nam	24/05/2010	7.81	8.56	7.79	7.83	8	6.00	2.75	4.25	0.0	0.0	11.50	
17	070017	PHAN NGUYỄN NHƯ BÌNH	Nữ	04/02/2010	7.74	7.7	7.68	7.65	7.69	7.25	7.25	4.25	0.0	0.0	15.43	
18	070018	MAI NGỌC MINH CHÂU	Nữ	05/08/2010	7.81	7.91	8.01	7.91	7.91	6.00	4.00	5.00	0.0	0.0	12.87	
19	070019	TRẦN NGỌC CHÂU	Nữ	08/08/2010	8.51	8.23	7.7	7.38	7.96	6.25	4.50	4.25	0.0	0.0	12.89	
20	070020	TRẦN NGỌC BẢO CHÂU	Nữ	12/07/2010	9.48	9.18	9.33	8.65	9.16	8.00	6.00	8.75	0.0	0.0	18.67	
21	070021	VÕ BẢO CHÂU	Nữ	01/11/2010	9.16	9.19	9.26	8.9	9.13	6.75	7.00	8.25	0.0	0.0	18.14	



BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)

HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT NGÔ GIA TỰ

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm U.T	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
22	070022	VÕ MINH CHỈ	Nam	23/11/2010	7.24	7.83	7.53	7.34	7.49	5.25	3.00	3.75	0.0	0.0	10.65	
23	070023	ĐỖ THỊ DIỄM CÚC	Nữ	04/02/2010	7.69	8.48	7.84	7.43	7.86	2.50	4.25	2.25	0.0	0.0	8.66	
24	070024	PHẠM THÚY DIỄM	Nữ	31/05/2010	6.11	6.15	5.88	6.56	6.18	5.25	2.50	5.75	0.0	0.0	11.30	
25	070025	TRẦN THỊ NGỌC DIỄM	Nữ	10/08/2010	8	7.39	7.13	7.14	7.42	2.00	2.50	2.75	0.0	0.0	7.30	
26	070026	BÙI ANH DUY	Nam	01/06/2010	7.29	8.25	6.93	6.8	7.32	3.75	4.50	2.75	0.0	0.0	9.90	
27	070027	NGUYỄN THỊ MỸ DUYÊN	Nữ	08/10/2010	7.73	6.8	7.36	7.7	7.4	4.50	3.50	5.25	0.0	0.0	11.50	
28	070028	NGUYỄN NGỌC MAI DƯ	Nữ	26/11/2010	6.54	7.18	7.51	6.79	7.01	4.50	2.00	3.00	0.0	0.0	8.75	
29	070029	ĐỖ HOÀNG ANH DƯƠNG	Nam	08/09/2010	7.51	8	8.2	7.53	7.81	5.25	4.75	3.50	0.0	0.0	11.79	
30	070030	ĐỖ THỊ CẨM ĐÀO	Nữ	16/02/2010	7.69	7.4	7.21	7.63	7.48	6.50	3.50	3.75	0.0	0.0	11.87	
31	070031	ĐINH THÀNH ĐẠT	Nam	14/11/2010	7.58	7.86	7.61	6.69	7.44	5.00	4.25	2.75	0.0	0.0	10.63	
32	070032	NGUYỄN QUỐC ĐẠT	Nam	23/06/2010	8.14	8.09	8.6	8.19	8.26	5.50	4.25	4.00	0.0	0.0	12.10	
33	070033	TRẦN TIẾN ĐẠT	Nam	19/01/2010	7.95	7.64	7.33	7.1	7.51	5.25	6.00	6.50	0.0	0.0	14.68	
34	070034	TRƯƠNG QUỐC ĐẠT	Nam	16/08/2010	6.94	7.93	8.53	8.14	7.89	5.75	6.75	6.75	0.0	0.0	15.84	
35	070035	TRƯƠNG THÀNH ĐẠT	Nam	14/01/2010	8.23	8.4	8.24	7.49	8.09	4.50	4.25	3.75	0.0	0.0	11.18	
36	070036	NGUYỄN HẢI ĐĂNG	Nam	10/08/2010	5.93	6.48	6.74	6.7	6.46	5.25	2.50	5.75	0.0	0.0	11.39	
37	070037	HUỲNH THỊ TRÀ GIANG	Nữ	09/06/2010	7.95	8.54	8.84	8.01	8.34	4.75	5.00	4.25	0.0	0.0	12.30	
38	070038	NGUYỄN GIA GIÀU	Nam	04/01/2010	8.63	9.14	9.55	9.21	9.13	5.75	6.75	8.00	0.0	0.0	17.09	
39	070039	PHẠM KIM THANH GIÀU	Nữ	11/06/2010	9.01	8.84	8.69	8.39	8.73	5.50	3.25	5.00	0.0	0.0	12.24	
40	070040	PHẠM NGỌC GIÀU	Nữ	11/06/2010	7.86	8.53	8.33	7.71	8.11	5.50	3.00	3.25	0.0	0.0	10.66	
41	070041	ĐẶNG NGỌC PHI HÀ	Nam	04/02/2010	6.21	7.71	8.25	7.25	7.36	5.00	5.00	4.25	0.0	0.0	12.18	
42	070042	PHẠM NGỌC HÀ	Nữ	11/01/2010	8.01	8.79	8.73	8.06	8.4	7.00	4.25	6.00	0.0	0.0	14.60	
43	070043	LÊ HUỲNH NHẤT HÀO	Nam	13/02/2010	8.76	8.49	8.49	8.75	8.62	6.50	7.50	7.25	0.0	0.0	17.46	
44	070044	TRẦN THANH HÀO	Nam	16/10/2010	9.1	9.03	8.85	8.11	8.77	5.25	4.00	6.00	0.0	0.0	13.31	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)

HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT NGÔ GIA TỰ

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm ƯT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
45	070045	VƯƠNG GIA HÀO	Nam	11/09/2010	6.83	6.48	6.7	6.15	6.54	4.75	1.25	2.50	0.0	0.0	7.91	
46	070046	LÊ NGÂN HẢO	Nữ	04/11/2010	6.59	7.53	7.8	7.55	7.37	5.75	6.00	4.00	0.0	0.0	13.24	
47	070047	NGUYỄN LÊ TAM HẢO	Nữ	28/08/2010	7.36	7.38	7.9	8.14	7.7	5.00	6.50	6.00	0.0	0.0	14.56	
48	070048	NGUYỄN TRUNG HẢO	Nam	18/07/2010	8.46	8.73	9.25	8.43	8.72	6.00	5.50	3.75	0.0	0.0	13.29	
49	070049	HUỲNH THỊ NGỌC HẠNH	Nữ	28/07/2010	6.36	7.25	7.34	7.15	7.03	5.50	3.25	4.00	0.0	0.0	11.03	
50	070050	NGUYỄN THỊ BÍCH HÀNG	Nữ	26/08/2010	7.81	7.66	7.7	7.79	7.74	5.25	4.50	5.50	0.0	0.0	13.00	
51	070051	LÊ NGỌC HÂN	Nữ	11/12/2010	7.36	7.83	7.76	7.79	7.69	4.67	6.50	3.75	0.0	0.0	12.75	
52	070052	LÊ THỊ MỸ HÂN	Nữ	30/03/2010	7.2	7.1	6.59	6.08	6.74	1.75	2.25	2.50	0.0	0.0	6.57	
53	070053	PHAN GIA HÂN	Nữ	23/04/2010	9.25	8.61	8.83	8.49	8.8	4.25	4.50	6.00	0.0	0.0	12.97	
54	070054	PHÙNG GIA HÂN	Nữ	12/06/2010	9.48	9.54	9.49	9.21	9.43	6.50	6.50	8.25	0.0	0.0	17.70	
55	070055	NGUYỄN CÔNG HẬU	Nam	22/05/2010	7.19	8.08	8.18	7.55	7.75	7.00	5.00	5.25	0.0	0.0	14.40	
56	070056	CAO KIM HIỀN	Nữ	28/10/2010	7.74	8	7.11	7.16	7.5	4.50	6.50	3.25	0.0	0.0	12.23	
57	070057	NGUYỄN THỊ BÍCH HIỀN	Nữ	19/10/2010	8.13	8.34	7.85	8.18	8.13	5.50	4.50	3.50	0.0	0.0	11.89	
58	070058	NGUYỄN THỊ THU HIỀN	Nữ	23/12/2010	7.81	7.48	7.74	7.56	7.65	6.25	6.25	4.00	0.0	0.0	13.85	
59	070059	TRẦN THỊ MỸ HIỀN	Nữ	24/01/2010	6.71	6.86	7.26	7.61	7.11	5.50	4.00	3.50	0.0	0.0	11.23	
60	070060	ĐÀO PHAN MINH HIẾU	Nam	04/09/2010	7.1	6.56	6.03	6.69	6.6	2.00	3.50	3.25	0.0	0.0	8.11	
61	070061	LÊ MINH HIẾU	Nam	16/02/2010	8.73	8.01	7.31	7.64	7.92	6.00	6.25	3.75	0.0	0.0	13.58	
62	070062	TRƯƠNG TRUNG HIẾU	Nam	17/08/2010	7.05	6.94	7.55	6.73	7.07	4.25	2.25	3.75	0.0	0.0	9.30	
63	070063	NGUYỄN GIA HIỆP	Nam	11/03/2010	8.14	7.8	7.63	6.96	7.63	5.25	1.75	3.75	0.0	0.0	9.81	
64	070064	TRẦN VIỆT HOÀNG	Nam	08/12/2010	8.39	8.81	8.75	8.64	8.65	5.00	7.50	8.25	0.0	0.0	17.12	
65	070065	TRẦN VĂN HÒA	Nam	20/05/2010	6.64	7.41	8.15	7.26	7.37	5.92	3.25	2.50	0.0	0.0	10.38	
66	070066	HUỲNH QUỐC HUY	Nam	29/12/2010	8.66	8.41	8.81	8.45	8.58	5.00	4.00	4.25	0.0	0.0	11.85	
67	070067	NGUYỄN GIA HUY	Nam	01/10/2010	7.5	7.06	7.85	7.11	7.38	4.50	5.75	4.50	0.0	0.0	12.54	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)

HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT NGÔ GIA TỰ

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
68	070068	NGUYỄN MINH HUY	Nam	12/03/2010	6.86	7.21	7.03	7.11	7.05	4.08	3.50	3.25	0.0	0.0	9.70	
69	070069	VÕ MINH HUY	Nam	04/01/2010	8.25	8.11	7.69	7.8	7.96	4.25	3.75	4.25	0.0	0.0	10.96	
70	070070	NGUYỄN NHƯ HUỠNH	Nữ	17/02/2010	7.54	7.95	8.56	6.71	7.69	6.00	1.50	3.00	0.0	0.0	9.66	
71	070071	NGUYỄN MINH HÙNG	Nam	25/01/2010	6.5	8.06	8.55	8.08	7.8	7.00	5.50	6.75	0.0	0.0	15.82	
72	070072	LƯƠNG NGỌC HƯƠNG	Nữ	26/05/2010	8.58	9.04	8.83	8.65	8.78	7.25	5.75	6.75	0.0	0.0	16.46	
73	070073	NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG	Nữ	28/10/2010	7.9	6.95	7.36	7.43	7.41	5.75	4.25	2.50	0.0	0.0	10.97	
74	070074	NGUYỄN TRỌNG HỮU	Nam	31/08/2010	8.5	8.84	9.25	9.25	8.96	6.08	8.50	7.75	0.0	0.0	18.32	
75	070075	ĐOÀN MINH KHANG	Nam	15/11/2010	6.15	5.71	5.96	5.68	5.88	3.67	0.25	2.50	0.0	0.0	6.26	Liệt
76	070076	HÀ VĨNH HOÀNG KHANG	Nam	28/08/2010	7.63	7.78	7.06	7.56	7.51	5.00	4.00	6.75	0.0	0.0	13.28	
77	070077	LÊ THÀNH KHANG	Nam	05/02/2010	6.11	6.18	7.23	6.45	6.49	2.25	0.00	3.25	0.0	0.0	5.80	Liệt
78	070078	MAI HOÀNG DUY KHANG	Nam	11/05/2010	8	8.29	7.88	8.13	8.08	7.00	4.25	5.25	0.0	0.0	13.97	
79	070079	NGUYỄN DUY KHANG	Nam	18/04/2010	7.94	7.19	7.41	6.63	7.29	2.75	1.50	3.25	0.0	0.0	7.44	
80	070080	PHẠM DUY KHANG	Nam	28/11/2010	8.21	7.94	8.95	8.74	8.46	5.33	6.50	6.25	0.0	0.0	15.19	
81	070081	TRẦN MINH KHANG	Nam	23/03/2010	8.4	8.81	8.1	7.7	8.25	6.00	4.75	5.75	0.0	0.0	14.03	
82	070082	NGUYỄN GIA KHÁNH	Nữ	12/10/2010	7.64	8.21	8.45	7.95	8.06	4.50	3.25	3.00	0.0	0.0	9.94	
83	070083	NGUYỄN MINH KHÁNH	Nam	02/02/2010	8.15	8.5	8.93	8.39	8.49	7.25	5.75	5.75	0.0	0.0	15.67	
84	070084	PHẠM NGUYỄN QUỐC KHÁNH	Nam	01/05/2010	8.2	7.4	7.84	6.6	7.51	4.50	1.75	4.75	0.0	0.0	9.95	
85	070085	ĐỖ ĐĂNG KHOA	Nam	21/08/2010	7.18	6.14	6.83	7.29	6.86	4.00	3.75	5.75	0.0	0.0	11.51	
86	070086	HỒ ĐĂNG KHOA	Nam	06/07/2010	6.36	6.9	6.44	7.14	6.71	4.00	2.50	2.75	0.0	0.0	8.49	
87	070087	HUỠNH TRẦN ĐĂNG KHOA	Nam	30/03/2010	6.85	7.38	6.69	7.14	7.02	3.25	5.50	9.00	0.0	0.0	14.53	
88	070088	ĐẶNG MINH KHÔI	Nam	16/04/2010	6.89	7.04	7.03	7.3	7.07	5.00	4.00	3.50	0.0	0.0	10.87	
89	070089	ĐỖ ĐĂNG KHÔI	Nam	26/11/2010	7.08	6.64	7.11	6.54	6.84	3.50	1.25	4.25	0.0	0.0	8.35	
90	070090	PHAN TRẦN ĐĂNG KHÔI	Nam	22/03/2010	7.1	7.75	7.75	7.43	7.51	4.75	4.00	4.50	0.0	0.0	11.53	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)

HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT NGÔ GIA TỰ

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm ƯT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
91	070091	TRẦN LÊ BẢO KHÔI	Nam	20/11/2010	8.85	8.88	9.06	8.43	8.81	7.00	4.25	7.00	0.0	0.0	15.42	
92	070092	NGUYỄN NGỌC KIỀU	Nữ	30/01/2010	8.21	8.28	8.65	8.36	8.38	5.00	5.50	4.50	0.0	0.0	13.01	
93	070093	NGUYỄN THỊ THÚY KIỀU	Nữ	23/11/2010	8.66	8.41	8.35	8.09	8.38	7.25	5.00	3.00	0.0	0.0	13.19	
94	070094	ĐỖ LÊ THẾ KIẾT	Nam	25/05/2010	6.95	6.86	7.23	7.4	7.11	5.00	4.75	5.25	0.0	0.0	12.63	
95	070095	TRẦN ANH KIẾT	Nam	26/06/2010	5.7	6.4	6.81	7.03	6.49	5.00	4.25	5.00	0.0	0.0	11.92	
96	070096	VÔ MINH KIẾT	Nam	12/04/2010	7.03	7.88	7.73	7.99	7.66	5.50	4.25	5.25	0.0	0.0	12.80	
97	070097	VƯƠNG TUẤN KIẾT	Nam	24/06/2010	8.49	8.59	8.76	8.74	8.65	6.25	5.50	6.50	0.0	0.0	15.37	
98	070098	HỒ NHÃ KỶ	Nữ	05/10/2010	7.59	6.88	7.1	7	7.14	3.50	3.00	2.50	0.0	0.0	8.44	
99	070099	NGUYỄN THỊ TRÚC LAM	Nữ	23/04/2010	7.06	7.79	7.39	7.55	7.45	7.00	3.00	3.00	0.0	0.0	11.34	
100	070100	NGUYỄN TRÚC LAM	Nữ	23/10/2010	9.71	9.51	9.84	9.5	9.64	7.25	7.75	6.75	0.0	0.0	18.12	
101	070101	TRẦN THỊ TƯỜNG LAM	Nữ	15/10/2010	7.53	8.21	8.34	7.56	7.91	4.75	3.25	3.25	0.0	0.0	10.25	
102	070102	NGUYỄN GIA LẠC	Nam	07/10/2009	5.6	5.7	5.6	6.96	5.97	3.25	1.75	3.25	0.0	0.0	7.57	
103	070103	LÊ TÙNG LÂM	Nam	27/11/2010	5.29	5.53	5.68	5.28	5.45	1.50	0.00	2.00	0.0	0.0	4.09	Liệt
104	070104	TRẦN THANH LÂM	Nam	13/04/2010	7.86	7.41	8.06	7.1	7.61	4.50	4.00	4.00	0.0	0.0	11.03	
105	070105	NGUYỄN THANH LIÊM	Nam	22/09/2010	7.19	6.05	5.83	5.64	6.18	3.75	2.00	4.75	0.0	0.0	9.20	
106	070106	NGUYỄN THỊ THẠCH LIÊN	Nữ	29/10/2010	7.23	7.48	7.49	6.7	7.23	3.50	2.50	4.50	0.0	0.0	9.52	
107	070107	HUỶNH THỊ TRÚC LINH	Nữ	30/08/2010	7.25	8.46	8.21	7.7	7.91	4.00	4.50	3.25	0.0	0.0	10.60	
108	070108	NGUYỄN HOÀNG LINH	Nữ	03/08/2010	8.59	8.4	8.45	8.26	8.43	7.00	3.75	6.75	0.0	0.0	14.78	
109	070109	NGUYỄN THỊ NGỌC LINH	Nữ	04/06/2010	9.21	8.75	9.09	8.89	8.99	5.83	7.25	8.00	0.0	0.0	17.45	
110	070110	TÔ NGỌC LINH	Nữ	23/12/2010	7.46	6.91	6.66	6.1	6.78	2.75	2.00	2.25	0.0	0.0	6.93	
111	070111	TRẦN THỊ CẨM LINH	Nữ	05/09/2010	8.2	7.89	8.26	7.96	8.08	6.50	5.50	6.25	0.0	0.0	15.20	
112	070112	VÔ HUỶNH TRÚC LINH	Nữ	08/06/2010	7.76	8.1	8.06	8.24	8.04	5.75	5.00	6.00	0.0	0.0	14.14	
113	070113	NGUYỄN HUYỀN LONG	Nam	03/03/2010	7.6	7.21	7.24	6.5	7.14	3.00	2.75	4.00	0.0	0.0	8.97	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)

HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT NGÔ GIA TỰ

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm ƯT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
114	070114	TRẦN TẤN LỘC	Nam	10/01/2010	8	8.3	8.63	7.66	8.15	5.75	4.00	3.25	0.0	0.0	11.55	
115	070115	CHOW PAK LUN	Nam	28/03/2010	7.35	8.35	8.05	7.95	7.93	5.75	5.50	8.50	0.0	0.0	16.20	
116	070116	ĐỖ QUAN LUYẾN	Nam	29/09/2010	7.46	7.83	8.44	7.58	7.83	4.00	4.75	4.50	0.0	0.0	11.62	
117	070117	NGUYỄN TẤN LỰC	Nam	13/09/2010	6.38	6.11	6.58	5.94	6.25	3.25	1.25	3.25	0.0	0.0	7.30	
118	070118	NGÔ THỊ KHA LY	Nữ	31/12/2009	6.56	6.7	6.24	6.1	6.4	3.50	0.75	1.75	0.0	0.0	6.12	Liệt
119	070119	PHẠM THỊ TRÚC LY	Nữ	27/05/2010	7.73	7.73	8.56	7.18	7.8	6.00	2.75	3.50	0.0	0.0	10.92	
120	070120	TRẦN NGỌC THẢO LY	Nữ	11/03/2010	8.36	8.91	8.65	7.76	8.42	6.25	4.00	5.25	0.0	0.0	13.38	
121	070121	PHAN THỊ NGỌC MAI	Nữ	14/06/2010	7.41	7.18	7.56	7.41	7.39	5.75	5.25	5.00	0.0	0.0	13.42	
122	070122	VÔ KIM BẠCH MAI	Nữ	29/01/2010	8.58	8.23	8.19	8.3	8.33	7.25	5.75	4.25	0.0	0.0	14.57	
123	070123	ĐỖ NGỌC MẠNH	Nam	02/03/2010	7.23	7.23	7.69	7.31	7.37	4.58	2.50	4.50	0.0	0.0	10.32	
124	070124	NGUYỄN CAO MINH	Nam	01/06/2010	7.69	8.01	7.8	7.49	7.75	6.50	6.25	2.75	0.0	0.0	13.18	
125	070125	NGUYỄN KHẮC MINH	Nam	06/10/2010	8	6.29	6.98	6.28	6.89	4.75	3.00	2.50	0.0	0.0	9.24	
126	070126	NGUYỄN LÂM MINH	Nam	17/10/2010	7.38	8.03	7.18	6.8	7.35	4.00	3.75	4.75	0.0	0.0	10.96	
127	070127	LÂM NGỌC TRÀ MY	Nữ	02/04/2010	8.31	8.34	8.34	8.3	8.32	4.75	5.50	6.00	0.0	0.0	13.87	
128	070128	NGUYỄN ĐỖ DIỄM MY	Nữ	22/12/2010	7.9	8.53	8.28	7.86	8.14	4.25	4.25	7.25	0.0	0.0	13.47	
129	070129	NGUYỄN THỊ CẨM MY	Nữ	28/11/2010	5.94	7.63	7.7	7.44	7.18	4.75	3.50	4.75	0.0	0.0	11.25	
130	070130	NGUYỄN THỊ TRÀ MY	Nữ	03/11/2010	7.41	7.63	8.36	7.29	7.67	4.50	2.00	2.50	0.0	0.0	8.60	
131	070131	PHẠM LÊ THẢO MY	Nữ	12/04/2010	6.88	6.69	7.16	6.73	6.87	4.17	1.50	3.75	0.0	0.0	8.66	
132	070132	VƯƠNG TUYẾT MY	Nữ	24/07/2009	6.99	6.91	7.34	6.25	6.87	4.25	3.50	4.25	0.0	0.0	10.46	
133	070133	LÊ HOÀNG MỸ	Nam	03/03/2010	7.7	7.3	7.89	7.93	7.71	4.00	5.50	5.50	0.0	0.0	12.81	
134	070134	NGÔ HOÀNG NAM	Nam	26/07/2010	6.19	5.93	5.89	5.46	5.87	5.25	2.00	2.00	0.0	0.0	8.24	
135	070135	NGUYỄN HẠO NAM	Nam	12/03/2010	8.68	8.74	8.33	7.9	8.41	5.50	4.25	5.25	0.0	0.0	13.02	
136	070136	NGUYỄN HỒ NAM	Nam	22/01/2010	8.86	9.1	9.61	8.78	9.09	5.50	4.50	5.50	0.0	0.0	13.58	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)

HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT NGÔ GIA TỰ

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm ƯT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
137	070137	NGUYỄN MINH NHẬT NAM	Nam	03/07/2009	5.99	5.74	6.14	5.31	5.8	1.25	0.00	3.00	0.0	0.0	4.72	Liệt
138	070138	VÕ THANH NAM	Nam	05/04/2010	7.51	8.1	8.89	8.55	8.26	5.25	7.75	5.75	0.0	0.0	15.60	
139	070139	NGUYỄN THỊ THANH NGA	Nữ	05/07/2010	7.66	8.23	8.21	7.88	8	4.25	5.50	3.00	0.0	0.0	11.33	
140	070140	BÙI NGUYỄN THU NGÂN	Nữ	31/03/2010	6.66	7.56	7.6	6.9	7.18	5.50	2.00	5.25	0.0	0.0	11.08	
141	070141	ĐẶNG THỊ THU NGÂN	Nữ	27/01/2010	8.91	8.46	9.21	8.66	8.81	6.00	4.00	5.00	0.0	0.0	13.14	
142	070142	ĐỖ THU NGÂN	Nữ	05/10/2010	7.28	7.35	7.13	7.36	7.28	6.50	1.50	4.50	0.0	0.0	10.93	
143	070143	LÊ NGUYỄN KIM NGÂN	Nữ	12/07/2010	8.46	8.21	7.74	7.58	8	7.25	4.75	7.00	0.0	0.0	15.70	
144	070144	NGUYỄN KIM NGÂN	Nữ	23/04/2010	7.21	7.55	7.65	7.14	7.39	4.00	5.75	3.75	0.0	0.0	11.67	
145	070145	NGUYỄN LÊ HỒNG NGÂN	Nữ	13/10/2010	9.04	8.38	8.01	7.15	8.15	4.75	5.25	3.75	0.0	0.0	12.07	
146	070146	NGUYỄN THỊ KIM NGÂN	Nữ	18/02/2010	8.16	8.24	7.89	7.63	7.98	4.25	4.50	2.75	0.0	0.0	10.44	
147	070147	VÕ NGỌC KIM NGÂN	Nữ	10/02/2010	7.26	7.25	6.66	7.03	7.05	1.75	3.50	2.00	0.0	0.0	7.19	
148	070148	LÊ TRUNG NGHĨA	Nam	18/04/2010	6.34	6.83	6.54	6.89	6.65	3.75	3.25	4.50	0.0	0.0	10.05	
149	070149	NGUYỄN HIẾU NGHĨA	Nam	29/09/2010	6.5	7.45	7.48	6.56	7	3.00	2.25	4.00	0.0	0.0	8.58	
150	070150	TRẦN TRUNG NGHĨA	Nam	23/07/2010	7.09	7.21	6.69	6.36	6.84	2.25	4.75	3.00	0.0	0.0	9.05	
151	070151	NGUYỄN THỊ BÉ NGOAN	Nữ	10/02/2010	8.15	7.66	7.55	7.05	7.6	4.75	5.75	3.75	0.0	0.0	12.26	
152	070152	HOÀNG KHÁNH NGỌC	Nữ	26/12/2010	8.36	8.46	8.61	8.19	8.41	5.00	3.50	7.25	0.0	0.0	13.55	
153	070153	HOÀNG VI BẢO NGỌC	Nữ	09/02/2010	8.9	8.71	8.7	8.49	8.7	6.75	5.00	5.25	0.0	0.0	14.51	
154	070154	HỒ NHƯ NGỌC	Nữ	24/01/2010	9.06	9.09	9.45	9.14	9.19	8.00	6.75	7.25	0.0	0.0	18.16	
155	070155	HUỲNH BẢO NGỌC	Nữ	03/11/2010	9.16	9.46	9.8	9.49	9.48	7.00	8.00	9.00	0.0	0.0	19.64	
156	070156	LÊ MINH BẢO NGỌC	Nữ	02/06/2010	9.09	9.23	9.13	8.59	9.01	6.25	6.75	6.50	0.0	0.0	16.35	
157	070157	LÊ THỂ NGỌC	Nữ	27/04/2010	8.41	8.36	7.6	7.43	7.95	6.00	6.00	3.00	0.0	0.0	12.89	
158	070158	NGUYỄN HỒNG NGỌC	Nữ	07/09/2010	9.11	9.01	8.93	8.23	8.82	5.75	6.25	7.00	0.0	0.0	15.95	
159	070159	NGUYỄN HUỲNH BẢO NGỌC	Nữ	16/12/2010	8.55	8.49	8.71	8.39	8.54	5.75	6.00	7.25	0.0	0.0	15.86	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)

HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT NGÔ GIA TỰ

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm U.T	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
160	070160	ĐỖ THỊ THẢO NGUYÊN	Nữ	15/12/2010	7.59	8.4	8.89	8.36	8.31	7.00	2.50	3.75	0.0	0.0	11.77	
161	070161	NGUYỄN HÀ THANH NGUYÊN	Nữ	24/08/2010	8.08	8.54	8.69	7.89	8.3	5.25	4.25	6.50	0.0	0.0	13.69	
162	070162	NGUYỄN THỊ THẢO NGUYÊN	Nữ	21/01/2010	7.29	7.06	7.49	8	7.46	5.00	2.75	5.00	0.0	0.0	11.16	
163	070163	PHAN TRỌNG NGUYÊN	Nam	05/12/2010	6.41	6.78	7	6.95	6.79	6.25	5.75	7.75	0.0	0.0	15.86	
164	070164	CHUNG THẾ NHẤT	Nam	22/01/2010	8.21	9.04	9.24	9.05	8.89	7.33	7.25	9.50	0.0	0.0	19.52	
165	070165	NGUYỄN VĂN NHẬT	Nam	20/10/2010	7.18	6.84	7.21	5.93	6.79	3.50	3.50	3.75	0.0	0.0	9.56	
166	070166	LÊ MINH NHẬT	Nam	02/08/2010	7.75	8.16	8	7.45	7.84	5.25	4.00	7.75	0.0	0.0	14.25	
167	070167	LÊ NGUYỄN PHƯƠNG NHI	Nữ	15/08/2010	7.89	8.16	7.9	7.56	7.88	3.75	4.00	5.50	0.0	0.0	11.64	
168	070168	MAI YẾN NHI	Nữ	25/09/2010	9.1	8.76	8.48	8.04	8.6	3.25	4.25	5.00	0.0	0.0	11.33	
169	070169	NGUYỄN NGỌC YẾN NHI	Nữ	17/09/2010	7.9	7.55	7.81	6.79	7.51	5.00	2.50	2.25	0.0	0.0	9.08	
170	070170	NGUYỄN VÕ KIỀU NHI	Nữ	23/02/2010	7.53	8.2	8.51	8.46	8.18	5.75	7.00	4.75	0.0	0.0	14.70	
171	070171	PHAN KIỀU NHI	Nữ	04/03/2010	8.3	7.8	8.49	7.36	7.99	4.25	1.75	4.75	0.0	0.0	9.92	
172	070172	TRẦN THỊ YẾN NHI	Nữ	30/01/2010	7.05	6.9	7.4	6.84	7.05	3.25	3.75	3.00	0.0	0.0	9.12	
173	070173	TRƯƠNG TUỆ NHI	Nữ	30/07/2010	8.96	9.15	9.2	8.41	8.93	5.75	6.75	5.50	0.0	0.0	15.28	
174	070174	LÊ LÂM QUỲNH NHƯ	Nữ	13/11/2010	8.16	7.78	8.44	7.58	7.99	4.50	3.00	3.25	0.0	0.0	9.92	
175	070175	LÊ THỊ ÁNH NHƯ	Nữ	06/04/2010	8.34	7.26	7.94	7.23	7.69	2.50	5.00	5.25	0.0	0.0	11.23	
176	070176	NGUYỄN ĐỖ QUỲNH NHƯ	Nữ	25/10/2010	6.63	6.85	6.66	6.41	6.64	5.17	1.50	4.50	0.0	0.0	9.81	
177	070177	NGUYỄN THỊ QUỲNH NHƯ	Nữ	19/03/2010	7.51	7.09	7.3	6.63	7.13	4.00	2.50	3.25	0.0	0.0	8.96	
178	070178	NGUYỄN THỊ TÂM NHƯ	Nữ	02/12/2010	6.54	7.1	7.31	7.09	7.01	5.25	3.75	5.00	0.0	0.0	11.90	
179	070179	TRẦN NGUYỄN QUỲNH NHƯ	Nữ	16/01/2010	7.73	8.15	7.58	7.69	7.79	5.42	5.00	7.25	0.0	0.0	14.71	
180	070180	ĐỖ MINH NHỰT	Nam	11/11/2010	7.28	6.56	7.03	6.81	6.92	3.75	2.75	4.00	0.0	0.0	9.43	
181	070181	TRẦN THANH NHỰT	Nam	08/08/2010	5.6	5.61	5.48	5.9	5.65	1.75	2.50	3.50	0.0	0.0	7.12	
182	070182	CAO GIA PHÁT	Nam	22/05/2010	6.88	7.49	6.9	6.84	7.03	4.50	3.25	4.00	0.0	0.0	10.33	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)

HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT NGÔ GIA TỰ

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm ƯT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
183	070183	NGUYỄN HỒNG PHÁT	Nam	01/08/2010	9.34	9.25	9.39	9.11	9.27	7.50	4.50	7.50	0.0	0.0	16.43	
184	070184	ĐỖ ANH PHI	Nam	06/11/2010	7.3	7.83	7.94	7.1	7.54	4.75	3.00	3.50	0.0	0.0	10.14	
185	070185	NGUYỄN THỊ NGỌC PHÚ	Nữ	03/12/2010	8.31	8.05	8.24	7.81	8.1	6.00	5.00	6.00	0.0	0.0	14.33	
186	070186	NGUYỄN TRỌNG PHÚC	Nam	12/01/2010	8.65	9.2	9.56	9.26	9.17	6.25	9.00	8.50	0.0	0.0	19.38	
187	070187	PHẠM NGUYỄN GIA PHÚC	Nam	13/09/2010	8.23	7.94	7.56	7.64	7.84	5.25	5.50	3.75	0.0	0.0	12.50	
188	070188	TRẦN THỊ HỒNG PHÚC	Nữ	13/10/2010	8.19	8.59	8.11	8.31	8.3	7.00	4.00	7.25	0.0	0.0	15.27	
189	070189	TRẦN TRỌNG PHÚC	Nam	21/03/2010	8.5	8.71	8.04	7.69	8.24	5.00	4.50	5.25	0.0	0.0	12.80	
190	070190	VÔ TRỌNG PHÚC	Nam	11/07/2010	6.35	7.21	6.73	6.09	6.6	3.75	0.50	2.25	0.0	0.0	6.53	Liệt
191	070191	NGUYỄN NGỌC PHỤNG	Nữ	11/09/2010	6.74	7.9	8.44	7.43	7.63	3.75	2.00	4.00	0.0	0.0	9.11	
192	070192	LÊ VÔ KIỀU PHƯƠNG	Nữ	14/03/2010	7.31	7.76	8.04	8	7.78	5.00	4.50	4.50	0.0	0.0	12.13	
193	070193	NGÔ THU PHƯƠNG	Nữ	16/09/2009	8.19	8.08	7.51	7.29	7.77	5.75	3.25	4.00	0.0	0.0	11.43	
194	070194	NGUYỄN THỊ THANH PHƯƠNG	Nữ	09/06/2009	5.88	5.86	5.85	6.05	5.91	3.75	1.75	3.75	0.0	0.0	8.25	
195	070195	NGUYỄN TRẦN DUY PHƯỚC	Nam	11/03/2010	6.64	6.35	6.28	6.26	6.38	3.00	3.00	2.75	0.0	0.0	8.04	
196	070196	LÊ THỊ CÁT PHƯƠNG	Nữ	28/03/2010	8.46	8.68	8.63	7.53	8.33	6.50	2.75	3.75	0.0	0.0	11.60	
197	070197	NGUYỄN NGỌC PHƯỢNG	Nữ	11/09/2010	6.64	7.54	8.55	7.3	7.51	4.25	2.25	3.75	0.0	0.0	9.43	
198	070198	ĐỖ HỒNG QUANG	Nam	11/07/2010	6	6.66	6.69	6.15	6.38	5.50	0.50	2.25	0.0	0.0	7.69	Liệt
199	070199	LÊ MINH QUÂN	Nam	28/09/2010	5.74	6.3	6.29	5.69	6.01	1.00	2.50	3.50	0.0	0.0	6.70	
200	070200	ĐƠN HOÀNG KIỀU QUYÊN	Nữ	10/12/2010	8.43	7.86	8.05	7.79	8.03	5.33	5.75	3.00	0.0	0.0	12.27	
201	070201	LÊ THỊ HỒNG QUYÊN	Nữ	10/09/2010	8.69	8.76	9.06	8.36	8.72	5.75	6.25	6.00	0.0	0.0	15.22	
202	070202	ĐỖ THỊ NHƯ QUỲNH	Nữ	04/01/2010	7.98	8.13	8.33	8.1	8.14	6.83	5.50	3.75	0.0	0.0	13.70	
203	070203	NGUYỄN HUỲNH TRỌNG QUỲNH	Nam	24/08/2010	7.25	7.61	7.74	7.79	7.6	6.00	6.50	9.00	0.0	0.0	17.33	
204	070204	NGUYỄN THỊ NHƯ QUỲNH	Nữ	20/01/2010	8.03	8.39	8.16	7.88	8.12	6.50	4.50	5.50	0.0	0.0	13.99	
205	070205	NGUYỄN THỊ THÚY QUỲNH	Nữ	05/12/2010	8.09	7.49	7.53	7.41	7.63	5.75	6.50	4.25	0.0	0.0	13.84	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)

HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT NGÔ GIA TỰ

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm ƯT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
206	070206	TRẦN THỊ ĐIỂM QUỲNH	Nữ	28/11/2010	8.54	8.48	8.23	8.13	8.35	6.00	5.00	2.25	0.0	0.0	11.78	
207	070207	NGUYỄN PHÚ QUÝ	Nam	23/02/2010	7.61	7.41	7.71	7.29	7.51	5.00	4.25	4.00	0.0	0.0	11.53	
208	070208	HUỲNH TÂN SANG	Nam	20/05/2010	8.58	8.74	8.09	7.61	8.26	5.50	4.25	8.00	0.0	0.0	14.90	
209	070209	NGUYỄN PHƯỚC SANG	Nam	19/10/2010	8.3	8.66	7.59	7.96	8.13	6.25	4.50	5.50	0.0	0.0	13.81	
210	070210	TRẦN THỊ NGỌC SANG	Nữ	17/08/2010	8.74	8.7	8.61	8.29	8.59	4.25	5.50	6.25	0.0	0.0	13.78	
211	070211	ĐẶNG LÊ HOÀNG SƠN	Nam	13/09/2010	6.25	7.04	7.95	7.61	7.21	6.00	5.00	4.75	0.0	0.0	13.19	
212	070212	ĐỖ LÂM NGUYỄN SUYÊU	Nam	13/10/2010	4.86	5.85	5.95	5.65	5.58	2.75	1.25	3.75	0.0	0.0	7.10	
213	070213	ĐỒNG THANH TÀI	Nam	11/09/2009	6.28	6.81	6.44	6.19	6.43	4.50	3.00	3.00	0.0	0.0	9.28	
214	070214	LÊ PHÁT TÀI	Nam	27/08/2010	7.53	8.08	8.95	8.86	8.36	7.75	6.25	6.00	0.0	0.0	16.51	
215	070215	TRỊNH PHÁT TÀI	Nam	12/08/2010	7.64	7.95	8.53	8.34	8.12	5.00	5.75	7.50	0.0	0.0	15.21	
216	070216	HÀ THANH TÂM	Nam	21/11/2010	8.34	8.36	7.56	7.48	7.94	5.50	5.00	4.50	0.0	0.0	12.88	
217	070217	NGUYỄN THỊ MỸ TÂM	Nữ	12/04/2010	8.69	8.6	8.56	8.29	8.54	6.25	3.50	5.25	0.0	0.0	13.06	
218	070218	ĐOÀN DUY TÂN	Nam	15/02/2010	6.66	6.5	7.65	7.75	7.14	5.50	4.50	7.50	0.0	0.0	14.39	
219	070219	NGÔ GIA THÀNH	Nam	10/02/2010	9.11	8.83	9.13	8.9	8.99	6.00	7.50	7.25	0.0	0.0	17.22	
220	070220	VÕ MINH THÀNH	Nam	28/04/2010	7.14	7.76	8.43	7.08	7.6	4.50	4.00	6.00	0.0	0.0	12.43	
221	070221	VƯƠNG LÊ QUỐC THÁI	Nam	08/05/2010	5.99	6.03	6.39	6.08	6.12	3.50	4.25	1.75	0.0	0.0	8.49	
222	070222	NGUYỄN THANH THẢO	Nữ	17/04/2010	6.74	7.33	8.11	7.81	7.5	5.00	2.00	4.75	0.0	0.0	10.48	
223	070223	NGUYỄN THU THẢO	Nữ	17/01/2010	8.84	9.1	8.96	9.14	9.01	7.25	8.25	9.00	0.0	0.0	19.85	
224	070224	NGUYỄN TRUNG THẠNH	Nam	09/02/2010	8.86	8.81	8.99	8.01	8.67	6.50	4.25	6.00	0.0	0.0	14.33	
225	070225	ĐOÀN THỊ MAI THỊ	Nữ	20/01/2010	8.34	8.44	8.09	7.91	8.2	4.25	2.50	6.50	0.0	0.0	11.74	
226	070226	ĐINH HOÀNG THIỆN	Nam	10/09/2010	6.83	7.36	7.51	7.39	7.27	5.00	4.50	2.50	0.0	0.0	10.58	
227	070227	ĐÀO PHÚC THỊNH	Nam	15/03/2010	7.85	7.24	7.75	7.19	7.51	3.00	3.00	2.50	0.0	0.0	8.20	
228	070228	LÊ HÙNG THỊNH	Nam	16/01/2010	7.28	7.54	7.36	7.45	7.41	6.00	7.25	5.25	0.0	0.0	15.17	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)

HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT NGÔ GIA TỰ

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm ƯT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
229	070229	NGUYỄN GIA THỊNH	Nam	19/12/2010	6.1	5.76	6.14	6.56	6.14	5.50	2.00	3.00	0.0	0.0	9.19	
230	070230	PHẠM NGUYỄN MINH THỊNH	Nam	06/04/2010	6.4	6.25	7.26	6.64	6.64	4.00	1.00	2.75	0.0	0.0	7.42	
231	070231	VÕ VĂN THỊNH	Nam	27/06/2010	7.24	7.95	8.5	7.39	7.77	5.50	3.00	5.25	0.0	0.0	11.96	
232	070232	NGUYỄN THỊ THƠ	Nữ	05/04/2010	7.96	8.55	8.55	7.56	8.16	5.25	6.50	4.00	0.0	0.0	13.47	
233	070233	PHẠM THỊ MINH THƠ	Nữ	22/01/2010	7.8	8.53	8.26	7.36	7.99	6.75	3.75	3.50	0.0	0.0	12.20	
234	070234	VÕ MINH THUẬN	Nam	26/10/2010	8.3	7.33	6.33	6.36	7.08	4.50	4.00	5.50	0.0	0.0	11.92	
235	070235	VÕ TẤN HỮU THUẬN	Nam	29/09/2010	7.98	7.95	8.28	7.55	7.94	4.25	3.00	2.25	0.0	0.0	9.03	
236	070236	LÊ MINH THÙY	Nữ	04/10/2010	8.06	8.75	8.76	8.15	8.43	5.25	3.25	8.75	0.0	0.0	14.60	
237	070237	NGUYỄN THỊ NGỌC THÙY	Nữ	06/08/2010	8.16	8.09	7.98	7.08	7.83	3.25	2.50	3.75	0.0	0.0	9.00	
238	070238	TRẦN THU THÙY	Nữ	29/11/2010	8.34	7.94	7.99	8.04	8.08	5.75	3.00	6.50	0.0	0.0	13.10	
239	070239	ĐINH NGUYỄN THỊ ANH THƯ	Nữ	16/05/2010	7.18	8.39	8.24	7.78	7.9	5.75	3.75	5.00	0.0	0.0	12.52	
240	070240	ĐỖ THỊ ANH THƯ	Nữ	01/04/2010	8.66	8.28	8.74	8.6	8.57	5.83	5.25	3.50	0.0	0.0	12.78	
241	070241	LÊ HUỖNH MINH THƯ	Nữ	05/08/2010	8.69	9.21	9.28	8.39	8.89	7.25	3.00	4.25	0.0	1.0	13.82	
242	070242	LÊ THỊ MINH THƯ	Nữ	13/10/2010	6.56	7.04	7.46	6.58	6.91	5.25	3.00	4.25	0.0	0.0	10.82	
243	070243	NGÔ NGUYỄN ANH THƯ	Nữ	21/01/2010	9.09	9.25	9.31	9.24	9.22	7.50	7.25	8.50	0.0	0.0	19.04	
244	070244	NGÔ THÁI ANH THƯ	Nữ	31/07/2010	7.98	7.78	7.5	7.5	7.69	4.00	4.50	4.00	0.0	0.0	11.06	
245	070245	NGUYỄN ANH THƯ	Nữ	27/03/2010	9.18	9.45	9.29	9	9.23	6.75	6.75	7.75	0.0	0.0	17.64	
246	070246	NGUYỄN MINH THƯ	Nữ	01/08/2010	8.8	9.08	8.85	8.19	8.73	6.50	4.75	6.75	0.0	0.0	15.22	
247	070247	NGUYỄN NGỌC ANH THƯ	Nữ	17/05/2010	7.64	8.38	7.83	7.36	7.8	6.00	3.50	2.50	0.0	0.0	10.74	
248	070248	PHÙNG MINH THƯ	Nữ	17/04/2010	9.66	9.5	9.43	9.26	9.46	6.75	6.75	8.75	0.0	0.0	18.41	
249	070249	TRỊNH TRẦN MINH THY	Nữ	25/05/2010	8.78	9.29	9.39	8.68	9.04	5.25	2.75	7.50	0.0	0.0	13.56	
250	070250	LÊ THỊ MỸ TIỀN	Nữ	05/11/2010	8.96	9.06	8.88	8.33	8.81	5.50	6.00	6.50	0.0	0.0	15.24	
251	070251	TRẦN THỊ HỒNG TIỀN	Nữ	28/06/2010	8.89	9.19	9.13	8.6	8.95	7.50	4.25	8.00	0.0	0.0	16.51	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)

HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT NGÔ GIA TỰ

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
252	070252	PHAN THÀNH TIẾN	Nam	31/05/2010	8.98	8.59	7.8	7.74	8.28	6.00	5.50	4.00	0.0	0.0	13.33	
253	070253	NGUYỄN TRỌNG TÍN	Nam	08/03/2010	8.36	9	8.91	8.18	8.61	7.50	5.75	6.00	0.0	0.0	16.06	
254	070254	ĐẶNG THỊ THUY TRANG	Nữ	27/01/2010	8.11	7.59	7.75	7.99	7.86	4.75	4.75	3.75	0.0	0.0	11.63	
255	070255	HUỲNH THỊ THU TRANG	Nữ	19/12/2010	8.63	8.04	8.15	8.28	8.28	5.75	5.25	5.75	0.0	0.0	14.21	
256	070256	TRẦN PHƯƠNG TRÀ	Nữ	28/05/2010	8.11	8.41	8.46	8.2	8.3	5.25	4.25	5.50	0.0	0.0	12.99	
257	070257	NGUYỄN PHẠM BÍCH TRÂM	Nữ	07/12/2010	7.74	7.71	8.15	7.93	7.88	5.00	3.75	5.25	0.0	0.0	12.16	
258	070258	PHẠM NGỌC MAI TRÂM	Nữ	18/12/2010	8.98	9.31	9	8.3	8.9	7.00	5.50	9.00	0.0	0.0	17.72	
259	070259	TÔ HOÀNG BẢO TRÂM	Nữ	02/02/2010	7.35	6.31	7.13	6.81	6.9	5.00	4.50	3.25	0.0	0.0	11.00	
260	070260	TỔNG THUY TRÂM	Nữ	15/05/2010	9.14	9.13	9.19	8.75	9.05	5.25	7.00	6.00	0.0	0.0	15.49	
261	070261	VƯƠNG HUỲNH NGỌC TRÂM	Nữ	04/12/2010	7.58	8.04	8.2	7.2	7.76	4.50	2.25	3.75	0.0	0.0	9.68	
262	070262	ĐOÀN NGỌC BẢO TRÂN	Nữ	19/05/2010	6.29	6.4	6.24	6.61	6.39	4.50	2.75	4.25	0.0	0.0	9.97	
263	070263	LƯU NGUYỄN HUYỀN TRÂN	Nữ	01/01/2010	8.75	8.81	9.16	8.89	8.9	6.00	6.75	4.25	0.0	0.0	14.57	
264	070264	LƯU THỊ HUYỀN TRÂN	Nữ	18/01/2009	7.5	7.59	7.46	7.01	7.39	5.00	1.50	2.75	0.0	0.0	8.69	
265	070265	NGUYỄN NGỌC BẢO TRÂN	Nữ	22/02/2010	8.85	9.14	8.54	8.24	8.69	5.75	4.25	6.50	0.0	0.0	14.16	
266	070266	TRẦN NGỌC QUẾ TRÂN	Nữ	08/09/2010	9.19	9.59	9.8	9.43	9.5	8.50	5.75	8.25	0.0	0.0	18.60	
267	070267	TRẦN THỊ NGỌC TRÂN	Nữ	08/10/2010	6.04	5.9	6.91	6.54	6.35	5.50	2.75	3.25	0.0	0.0	9.96	
268	070268	TRƯƠNG NGỌC QUỲNH TRÂN	Nữ	05/01/2010	8.38	8.44	8.68	8.41	8.48	4.00	5.75	4.25	0.0	0.0	12.34	
269	070269	VƯƠNG THỊ BẢO TRÂN	Nữ	28/03/2010	7.55	7.69	7.73	6.5	7.37	2.25	0.25	3.75	0.0	0.0	6.59	Liệt
270	070270	HUỲNH MINH TRIẾT	Nam	28/01/2010	9	8.86	9	8.68	8.89	5.75	7.50	7.00	0.0	0.0	16.84	
271	070271	VÕ MINH TRIẾT	Nam	26/10/2010	7.53	7.9	8.74	8.76	8.23	6.25	3.00	7.25	0.0	0.0	14.02	
272	070272	ĐOÀN LÊ MINH TRIỆU	Nam	28/02/2010	7.74	7	8.09	7.88	7.68	5.00	5.25	8.25	0.0	0.0	15.25	
273	070273	NGUYỄN THANH TRIỆU	Nam	04/01/2010	7.16	7	7.31	6.99	7.12	4.50	3.75	2.75	0.0	0.0	9.84	
274	070274	TRẦN MINH TRIỆU	Nam	20/07/2010	8.49	7.86	8.65	8.4	8.35	5.00	7.50	8.25	0.0	0.0	17.03	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)

HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT NGÔ GIA TỰ

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
275	070275	LÊ MAI PHƯƠNG TRINH	Nữ	03/09/2010	7.6	8.09	8	7.64	7.83	4.25	4.25	5.00	0.0	0.0	11.80	
276	070276	LÊ THỊ PHƯƠNG TRINH	Nữ	04/06/2010	7.74	8.01	8.3	7.96	8	4.75	4.25	4.75	0.0	0.0	12.03	
277	070277	NGUYỄN THỊ KIỀU TRINH	Nữ	23/06/2010	8.13	7.93	8.31	7.81	8.05	5.75	4.25	4.75	0.0	0.0	12.74	
278	070278	PHAN NGỌC PHƯƠNG TRINH	Nữ	22/11/2010	8.81	8.73	8.98	8.31	8.71	6.00	6.50	2.75	0.0	0.0	13.29	
279	070279	LÂM KHÁNH TRINH	Nam	26/07/2010	8.79	8.69	8.43	7.66	8.39	4.50	5.00	7.00	0.0	0.0	14.07	
280	070280	ĐOÀN BẢO TRÍ	Nam	26/03/2010	9.15	9.18	9.06	8.59	9	4.50	4.00	8.00	0.0	0.0	14.25	
281	070281	NGUYỄN LÊ TRÍ	Nam	02/05/2010	7.45	7.65	7.66	7.24	7.5	1.75	4.75	7.25	0.0	0.0	11.88	
282	070282	NGUYỄN MINH TRỌNG	Nam	12/04/2010	6.3	6.14	6.81	5.95	6.3	3.75	3.25	2.75	0.0	0.0	8.72	
283	070283	NGUYỄN LÊ MINH TRUNG	Nam	16/03/2010	8.21	7.68	7.78	6.98	7.66	6.25	3.75	4.25	0.0	0.0	12.27	
284	070284	LÊ ĐẶNG THANH TRÚC	Nữ	12/12/2010	8.35	7.23	7.05	7.33	7.49	5.25	5.50	4.00	0.0	0.0	12.57	
285	070285	LÊ THIÊN TRÚC	Nữ	21/04/2010	7.06	7.6	7.58	7.5	7.44	4.25	3.50	1.75	0.0	0.0	8.88	
286	070286	LÊ THỊ THANH TRÚC	Nữ	04/11/2010	6.64	7.61	7.79	6.99	7.26	4.50	0.25	3.25	0.0	0.0	7.78	Liệt
287	070287	PHẠM THỊ THANH TRÚC	Nữ	05/01/2010	8.31	8.38	8.36	8.34	8.35	6.50	7.25	2.75	0.0	0.0	14.06	
288	070288	TRẦN THANH TRÚC	Nữ	17/03/2010	9.39	9.31	9.4	9.13	9.31	5.75	8.50	6.75	0.0	0.0	17.49	
289	070289	LÊ NGUYỄN TRƯỜNG	Nam	18/07/2010	6.63	7.49	7.35	6.93	7.1	5.25	5.00	3.75	0.0	0.0	11.93	
290	070290	LÊ NHẬT TRƯỜNG	Nam	26/06/2010	8.11	8.16	8.33	7.74	8.09	3.75	5.50	6.00	0.0	0.0	13.10	
291	070291	NGUYỄN LÊ VŨ TRƯỜNG	Nam	04/01/2010	7.76	7.59	7.23	7.13	7.43	4.50	5.50	2.50	0.0	0.0	10.98	
292	070292	MAI ANH TUẤN	Nam	06/11/2010	7.76	7.99	8.89	8.45	8.27	6.00	4.25	6.25	0.0	0.0	14.03	
293	070293	PHẠM HOÀNG ANH TUẤN	Nam	20/08/2010	5.44	6.06	6.45	6.46	6.1	4.50	0.00	5.25	0.0	0.0	8.66	Liệt
294	070294	LÊ KHÁNH TUYỀN	Nữ	19/05/2010	9.16	9.33	9.28	8.78	9.14	6.75	5.50	7.25	0.0	0.0	16.39	
295	070295	TRẦN LÊ KIM TUYỀN	Nữ	26/05/2010	8.18	8.48	9.04	8.13	8.46	7.50	5.25	5.00	0.0	0.0	14.96	
296	070296	BÙI MINH TÚ	Nam	16/10/2010	7.9	7.53	7.61	7.65	7.67	5.00	6.50	6.25	0.0	0.0	14.73	
297	070297	HỒ AN TUỒNG	Nam	30/11/2010	7.38	7.65	7.83	7.49	7.59	6.50	4.75	7.25	0.0	0.0	15.23	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)

HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT NGÔ GIA TỰ

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm U.T	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
298	070298	NGUYỄN DUY TUỜNG	Nam	25/10/2010	8.9	9.31	8.85	8.64	8.93	6.00	5.75	6.25	0.0	0.0	15.28	
299	070299	NGUYỄN HÀ DUY TUỜNG	Nam	09/11/2010	8.95	8.44	8.34	8.31	8.51	7.00	6.25	6.75	0.0	0.0	16.55	
300	070300	NGUYỄN THANH TỬ	Nam	17/04/2010	7.84	8.76	8.74	7.96	8.33	5.75	3.50	4.25	0.0	0.0	11.95	
301	070301	NGUYỄN HỌC VÀNG	Nữ	19/08/2005	6.46	6.59	6.76	7.26	6.77	5.25	3.50	4.50	0.0	0.0	11.31	
302	070302	HÀ KIẾN VĂN	Nam	18/01/2010	5.78	6.35	6.25	6	6.1	2.50	2.25	1.50	0.0	0.0	6.21	
303	070303	TRƯƠNG THANH VĂN	Nam	05/03/2010	7.7	8.04	8.23	7.61	7.9	5.00	4.50	5.25	0.0	0.0	12.70	
304	070304	ĐOÀN NGUYỄN THANH VĂN	Nữ	25/10/2010	8.51	8.88	9.04	8.48	8.73	5.00	4.50	7.75	0.0	0.0	14.69	
305	070305	PHẠM THÁI VĂN	Nữ	07/09/2010	7.18	7.26	7.29	7.54	7.32	5.50	1.75	4.75	0.0	0.0	10.60	
306	070306	TRẦN THANH THÚY VI	Nữ	01/08/2010	8.98	9.24	9.24	9.08	9.14	7.00	8.00	7.75	0.0	0.0	18.67	
307	070307	LÂM QUANG VINH	Nam	09/03/2010	9.11	8.2	8.56	8.11	8.5	6.25	5.75	4.25	0.0	0.0	13.93	
308	070308	NGUYỄN HỮU VINH	Nam	22/08/2009	7.1	7.18	7.34	7.66	7.32	3.50	2.25	5.00	0.0	0.0	9.72	
309	070309	NGUYỄN THẾ VINH	Nam	14/08/2010	7.21	7.19	7.35	6.71	7.12	5.75	6.75	5.50	0.0	0.0	14.74	
310	070310	HUỲNH QUỐC VƯƠNG	Nam	04/08/2010	9.78	9.66	9.61	9.28	9.58	6.75	7.50	9.00	0.0	0.0	19.15	
311	070311	CHU HUỲNH TUỜNG VY	Nữ	04/07/2010	6.45	7.15	7.54	7.4	7.14	6.00	5.50	3.75	0.0	0.0	12.82	
312	070312	ĐẶNG VÕ TỎ VY	Nữ	02/11/2010	7.56	7.83	8.09	7.16	7.66	5.25	4.00	4.75	0.0	0.0	12.10	
313	070313	ĐINH THỊ MINH VY	Nữ	25/05/2010	7.65	7.2	7.15	6.69	7.17	3.25	4.25	4.75	0.0	0.0	10.73	
314	070314	ĐỖ NGỌC THÚY VY	Nữ	04/09/2010	8.34	9.09	9.15	8.55	8.78	7.00	4.50	6.75	0.0	0.0	15.41	
315	070315	LÂM TUỜNG VY	Nữ	05/09/2010	6.46	6.14	6.85	6.94	6.6	5.50	2.00	2.50	0.0	0.0	8.98	
316	070316	LÊ VY	Nữ	29/06/2010	7.61	7.99	8.61	8.38	8.15	6.50	7.00	3.25	0.0	0.0	14.17	
317	070317	NGUYỄN HOÀNG TUỜNG VY	Nữ	30/07/2010	8.8	8.81	8.55	8.34	8.63	6.50	7.00	7.00	0.0	0.0	16.94	
318	070318	NGUYỄN THỊ THANH VY	Nữ	23/08/2010	7.41	7.69	7.8	7.66	7.64	5.00	4.00	3.50	0.0	0.0	11.04	
319	070319	NGUYỄN TRẦN THẢO VY	Nữ	18/02/2010	7.19	7.94	7.66	7.48	7.57	3.50	4.50	2.00	0.0	0.0	9.27	
320	070320	PHẠM THỊ THÚY VY	Nữ	31/07/2010	7.93	8.08	9.14	8.18	8.33	6.00	5.25	4.75	0.0	0.0	13.70	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)
HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT NGÔ GIA TỰ

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
321	070321	TRÀ VY	Nữ	12/04/2010	8.36	8.44	8.6	7.83	8.31	6.25	3.00	5.00	0.0	0.0	12.47	
322	070322	VÕ THỊ TUỜNG VY	Nữ	11/06/2010	7.84	7.86	7.64	7.13	7.62	5.75	4.00	5.00	0.0	0.0	12.61	
323	070323	NGUYỄN THỊ NGỌC YẾN	Nữ	05/03/2010	7.54	8.13	7.88	8.03	7.9	6.25	4.00	3.00	0.0	0.0	11.65	
324	070324	NGUYỄN THỊ NGỌC YẾN	Nữ	23/06/2010	7.55	8.05	8.25	7.79	7.91	5.00	4.75	4.75	0.0	0.0	12.52	
325	070325	NGUYỄN NGỌC NHƯ Ý	Nữ	27/01/2010	6.94	7.09	5.99	5.94	6.49	1.25	4.00	4.00	0.0	0.0	8.42	
326	070326	PHẠM NGỌC NHƯ Ý	Nữ	10/12/2009	8.39	8.74	8.39	8.39	8.48	6.75	5.50	6.75	0.0	0.0	15.84	

Danh sách này có 326 thí sinh/

Cán bộ in


Trần Ngọc Linh

Cán bộ soát điểm


Võ Thuỳ Trang

Tây Ninh, ngày 14 tháng 06 năm 2025

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI



(Phó Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo)

Phan Minh Tùng